

Số: 84/BC-UBND

Kbang, ngày 10 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính quý I và phương hướng, nhiệm vụ quý II năm 2021

Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về công tác cải cách hành chính của UBND tỉnh, UBND huyện báo cáo tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính quý I năm 2021 trên địa bàn huyện như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Về kế hoạch cải cách hành chính

Thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính của UBND tỉnh, UBND huyện đã kịp thời xây dựng và ban hành Kế hoạch thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2021 trên địa bàn huyện; đồng thời, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn căn cứ Kế hoạch cải cách hành chính của huyện, chủ động xây dựng kế hoạch cụ thể thuộc phạm vi đơn vị phụ trách để triển khai thực hiện theo quy định. Bên cạnh đó, UBND huyện đã xây dựng và ban hành Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính năm 2021, Kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính năm 2021, Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn huyện và Kế hoạch Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2021;

2. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

Công tác chỉ đạo, điều hành về cải cách hành chính luôn được UBND huyện quan tâm, tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện kịp thời các văn bản cấp trên.

UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 1562/KH-UBND ngày 29/12/2020 về thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2021, nội dung kế hoạch đã xác định rõ các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm trong công tác CCHC, nhất là về thời hạn, cơ quan thực hiện và cơ quan chịu trách nhiệm điều hành, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thực hiện; theo đó, năm 2021 huyện đề ra 30 nhiệm vụ và các sản phẩm cụ thể.

Đồng thời, huyện xây dựng Kế hoạch hành động “*Thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia*” nhằm tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, đảm bảo tăng trưởng kinh tế của huyện; tiếp tục rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính; đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng, nâng cao sức cạnh tranh của các doanh nghiệp trên địa bàn huyện; thu hút đầu tư, tạo việc làm, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân trên địa bàn; góp phần vào tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

3. Về kiểm tra cải cách hành chính

Căn cứ nhiệm vụ cụ thể của công tác cải cách hành chính năm 2021, UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 120/KH-UBND ngày 28/01/2021 “Kiểm tra công tác cải cách hành chính, năm 2021”; Kế hoạch số 133/KH-UBND ngày 29/01/2021 “Kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của cơ quan, đơn vị năm 2021”; theo đó, UBND huyện sẽ kiểm tra 11/27 cơ quan, đơn vị trong năm; nhằm đánh giá tình hình, tiến độ thực hiện các mục tiêu, các nhiệm vụ cải cách hành chính đã đề ra trong kế hoạch cải cách hành chính năm 2021; góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác cải cách hành chính của huyện. Đồng thời, kiện toàn, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đơn giản hóa, công khai và giải quyết thủ tục hành chính; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại các xã, thị trấn nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính, góp phần phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn huyện.

4. Về công tác tuyên truyền cải cách hành chính

Đã ban hành Kế hoạch số 1561/KH-UBND ngày 29/12/2020 về tuyên truyền cải cách hành chính năm 2021. UBND huyện chỉ đạo Văn phòng HĐND - UBND huyện thường xuyên đăng tải thông tin về cải cách hành chính trên cổng thông tin điện tử của huyện cho công dân thuận tiện tra cứu; chỉ đạo Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chuyên môn, UBND các xã, thị trấn thông tin tuyên truyền, phổ biến các nội dung, nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2021 trên địa bàn huyện.

Tiếp tục phổ biến, tuyên truyền rộng rãi đến các cá nhân, tổ chức về dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4, nhất là phổ biến sâu rộng đến các cá nhân, tổ chức liên hệ giao dịch tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện và cấp xã hiếu được sự tiện ích của việc giải quyết các hồ sơ, thủ tục qua cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh (mức độ 3, 4) so với dịch vụ công truyền thống lâu nay (mức độ 1, 2), góp phần tổ chức thực hiện hiệu quả nhiệm vụ cải cách hành chính và nâng cao Chỉ số cải cách hành chính của huyện. Đồng thời, chủ động tuyên truyền và tổ chức thực hiện có hiệu quả việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ công bưu chính công ích; việc đánh giá sự hài lòng của công dân, tổ chức đối với thái độ phục vụ của CBCCVC làm việc tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả trên phần mềm hệ thống tại địa chỉ <http://dichvucong.kbang.gov.vn>.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

1.1. Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng văn bản QPPL

Công tác xây dựng, ban hành, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL đã được UBND huyện quan tâm, chỉ đạo và đã đạt được những kết quả đáng khích lệ; các cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ xây dựng, ban hành, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL đã có sự phối kết hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao; công tác xây dựng, ban hành văn bản QPPL cơ bản tuân thủ theo trình tự, thủ tục Luật định. Góp phần xây dựng được hệ thống văn bản QPPL trên địa bàn huyện có hiệu lực, hiệu quả và thống nhất với việc ban hành, áp dụng và thực thi pháp luật tại địa phương. Nhờ đó, năng lực quản lý, điều hành của chính quyền địa phương không ngừng được nâng lên.

1.2. Hoàn thiện hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách về các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc thẩm quyền của cơ quan, địa phương

Xây dựng và hoàn thiện thể chế, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để thực thi các văn bản do cấp trên ban hành; chỉ đạo phòng Tư pháp huyện xây dựng kế hoạch kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể hóa việc thực hiện vào nhiệm vụ cụ thể của địa phương, phục vụ trực tiếp cho công tác cải cách hành chính.

1.3. Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan, địa phương

a. Xây dựng và ban hành các VBQPPL của cơ quan, địa phương:

Việc xây dựng và ban hành văn bản QPPL được thực hiện theo đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể: văn bản QPPL sau khi được UBND huyện giao cho các cơ quan chuyên môn chủ trì soạn thảo đều được tổ chức lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan; tổ chức lấy ý kiến thẩm định của phòng Tư pháp (đối với văn bản QPPL do UBND huyện ban hành) và ý kiến thẩm tra của các Ban HĐND huyện (đối với văn bản QPPL do HĐND huyện ban hành); sau đó tiếp thu, chỉnh lý và ban hành đảm bảo thời gian, trình tự theo quy định.

b. Rà soát VBQPPL của cơ quan, địa phương:

Nhằm kịp thời phát hiện những văn bản QPPL hết hiệu lực thi hành, mâu thuẫn, chồng chéo, đề nghị cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định, UBND huyện xây dựng và ban hành ban hành kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 04/01/2021 “Về triển khai văn bản QPPL năm 2021 trên địa bàn huyện” để tổ chức triển khai thực hiện trong năm 2021, góp phần nâng cao hiệu quả trong việc thực hiện công tác CCHC trên địa bàn huyện.

c. Công tác theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

Thực hiện Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật; Quyết định số 2508/QĐ-BTP ngày 11 tháng 9 năm 2012 của Bộ Tư pháp “Về việc ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP”; Kế hoạch số 1267/KH-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2013 của UBND tỉnh “V/v triển khai thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh”, UBND huyện đã xây dựng Kế hoạch số 116/KH-UBND ngày 27/01/2021 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật và quản lý công về xử lý vi phạm hành chính năm 2021; đồng thời, chỉ đạo, triển khai, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

2. Cải cách thủ tục hành chính

2.1. Thực hiện cải cách thủ tục hành chính (TTHC) trên các lĩnh vực quản lý nhà nước theo quy định của Trung ương, của tỉnh

Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn công khai địa chỉ, số điện thoại của tỉnh, huyện, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị tại trụ sở cơ quan, đơn vị mình để tiếp nhận, xử lý các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức. Bố trí cán bộ, công chức có năng lực chuyên môn tiếp công dân theo quy định.

Trên cơ sở các quyết định công bố thủ tục hành chính mới của tỉnh, UBND huyện triển khai đến các cơ quan, đơn vị bổ sung vào cổng thông tin điện tử của huyện để áp dụng thực hiện và niêm yết tại trụ sở các cơ quan, đơn vị. Đồng thời, chỉ đạo các cơ quan chuyên môn rà soát, tham mưu UBND huyện xây dựng mới, sửa

đổi, bổ sung quy trình ISO thực hiện các lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện.

2.2. Kiểm soát thủ tục hành chính

a. Kiểm soát việc ban hành mới các TTHC thuộc thẩm quyền của cơ quan, địa phương

Để kịp thời phát hiện những tồn tại, hạn chế trong công tác kiểm soát TTHC trên địa bàn, UBND huyện đã xây dựng Kế hoạch kiểm tra công tác kiểm soát thủ tục hành chính năm 2021; đồng thời, chỉ đạo, các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng kế hoạch kiểm soát TTHC phù hợp với lĩnh vực, ngành và thường xuyên rà soát các nội dung theo kế hoạch đề ra, kịp thời đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc hủy bỏ quy định TTHC không cần thiết, không phù hợp, không đảm bảo nguyên tắc.

b. Về rà soát, đánh giá và thực hiện các quy định về đơn giản hóa TTHC

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương thường xuyên rà soát, đánh giá các TTHC liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương; đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ quy định TTHC không cần thiết, không phù hợp, không đảm bảo nguyên tắc.

- Việc công bố, cập nhật TTHC: thường xuyên rà soát các thủ tục hành chính để đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, cắt giảm các thủ tục rườm rà nhằm nâng cao hiệu quả dịch vụ hành chính công trên địa bàn huyện. Kịp thời cập nhật và niêm yết công khai bổ sung các thủ tục hành chính sau khi được cấp có thẩm quyền công bố.

- Việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về quy định hành chính

Trong quý I, năm 2021, trên địa bàn huyện không tiếp nhận phản ánh, kiến nghị nào của công dân, tổ chức trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính tại địa phương.

c. Về công khai thủ tục hành chính

Đã thực hiện công khai TTHC theo quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, trên mạng Internet, tại các cơ quan, đơn vị đối với lĩnh vực mình phụ trách và các hình thức công khai khác, như niêm yết tại nhà văn hóa các thôn, làng TDP. Hiện 100% các cơ quan, đơn vị trực thuộc công khai TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện; 100% TTHC được công khai trên trang Thông tin điện tử của UBND huyện. Tính đến ngày 28/2/2021 cấp huyện có 314 TTHC (*trong đó có 03 TTHC cấp chứng minh nhân dân*), cấp xã có 172 TTHC còn hiệu lực thi hành.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

3.1. Rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của cơ quan, địa phương

- Căn cứ quy định của Chính phủ, hướng dẫn của các Bộ, ngành và tỉnh về tổ chức bộ máy, UBND huyện đã ban hành các quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của 13/13 cơ quan chuyên môn cấp huyện theo đúng quy định đảm bảo không chồng chéo chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện.

- Triển khai thực hiện Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ “về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”, UBND huyện đã trình HĐND huyện sáp nhập Phòng Y tế vào Văn phòng HĐND-UBND huyện; hiện nay, huyện sẽ còn 11 cơ quan chuyên môn và Văn phòng HĐND-UBND huyện. Đồng thời, triển khai các cơ quan rà soát, bổ sung chức năng nhiệm vụ theo quy định.

- Thực hiện quản lý cán bộ, công chức, viên chức huyện theo đúng quy định pháp luật và phân cấp quản lý theo Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh “*Ban hành Quy định quản lý công tác nội vụ thuộc tỉnh Gia Lai*”;

- Tình hình thực hiện quy chế làm việc của các cơ quan, địa phương: các cơ quan, đơn vị đã xây dựng quy chế làm việc cụ thể hóa nhiệm vụ của công chức, viên chức cơ quan, mối quan hệ công tác, trách nhiệm của từng thành viên, chế độ sinh hoạt, công tác, chấp hành giờ làm việc của công chức, viên chức cơ quan, đơn vị.

3.2. Triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công của cơ quan, địa phương

Hiện nay, 13/13 cơ quan thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ về “*Quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước*” (đạt 100%); 100% cơ quan thực hiện tự chủ đã ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý tài sản và ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ làm căn cứ chi trả thu nhập tăng thêm cho công chức.

Đã triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm 50/50 đơn vị sự nghiệp trên địa bàn huyện theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ “*Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập*” và Nghị định 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ “*Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác*” (đạt 100%); 100% các đơn vị thực hiện tự chủ đã ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý tài sản và ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ làm căn cứ chi trả thu nhập tăng thêm cho công chức.

3.3. Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông

Tình hình triển khai và kết quả thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan, địa phương: UBND huyện đã ban hành quyết định số 156/QĐ-UBND ngày 21/01/2019 về “*Ban hành Phương án thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên trong giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả huyện*” trên cơ sở Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ “*về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính*”.

- *Việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho bộ phận tiếp nhận và trả kết quả so với quy định*

+ *Cấp huyện:* Bộ phận Một cửa huyện được đặt tại Văn phòng HĐND&UBND huyện có tổng diện tích là 80m² trong đó 40m² bố trí nơi ngồi chờ cho tổ chức, cá nhân đến giao dịch. Trang thiết bị và phương tiện làm việc được

trang bị đầy đủ, đảm bảo phục vụ tốt công tác chuyên môn; bố trí 6 máy vi tính/06 CCVC, 01 máy phô tô, 01 máy Scan, hệ thống bấm số xếp hàng tự động, 01 máy tính xuất kết quả TTHC, 01 máy tra cứu cảm ứng, 03 máy khảo sát sự hài lòng của tổ chức, công dân, 01 máy server phục vụ hệ thống một cửa điện tử, hệ thống camera giám sát, 02 máy điều hòa nhiệt độ, 01 điện thoại bàn, 04 máy in, cùng tủ đựng tài liệu, ghế ngồi chờ cho công dân... Công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa huyện, tất cả đều có trình độ đại học, có kỹ năng giao tiếp, tinh thần, thái độ phục vụ nhân dân tốt.

+ *Cấp xã:* Về diện tích phòng làm việc, trang thiết bị của Bộ tiếp nhận và trả kết quả cấp xã: 14/14 xã, thị trấn đảm bảo diện tích phòng làm việc, được trang bị đầy đủ trang thiết bị làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, đạt 100% đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định.

- *Việc bố trí công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả*

Hầu hết CCVC làm việc tại BPTNVTQK được lựa chọn là những người có chuyên môn phù hợp, đáp ứng yêu cầu công việc, thường xuyên được bồi dưỡng các kỹ năng hành chính phù hợp với điều kiện công tác. Do đó, đã đáp ứng những yêu cầu cần thiết về phẩm chất đạo đức, kỹ năng giao tiếp, tinh thần, thái độ phục vụ nhân dân, ý thức tổ chức kỷ luật. Đến nay, 100% CCVC cấp huyện làm việc tại BPTNVTQK cấp huyện có trình độ chuyên môn Đại học, 100% công chức cấp xã có trình độ trung cấp trở lên, phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ.

- *Việc ban hành Quy chế hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả*

Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quy chế hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Văn phòng HĐND-UBND huyện phù hợp với Phương án mới của huyện, trong đó, quy định rõ cơ cấu tổ chức và nguyên tắc hoạt động của Bộ phận một cửa; quy trình tiếp nhận, chuyển hồ sơ, giải quyết hồ sơ của các phòng ban, cơ quan, đơn vị có liên quan, trả kết quả giải quyết hồ sơ. Quy định rõ trách nhiệm phối hợp của các bộ phận, cơ quan liên quan và công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận một cửa, công chức, viên chức các phòng chuyên môn và cơ quan liên quan.

UBND các xã, thị trấn đã kịp thời sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cho phù hợp.

- *Công tác giải quyết các TTHC*

Công tác tiếp nhận và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính của tổ chức, cá nhân cơ bản đảm bảo theo quy định; công dân, tổ chức đến liên hệ giải quyết các TTHC đều được hướng dẫn, giải thích tận tình, chu đáo và được giải quyết nhanh chóng, thuận tiện, chính xác, công khai, minh bạch, rõ ràng. Thời gian giải quyết nhanh gọn, kịp thời, nhiều lĩnh vực được giải quyết ngay trong ngày như chứng thực hợp đồng giao dịch dân sự, chứng thực bản sao từ bản chính, đăng ký khai sinh.v.v... qua đó, góp phần tiết kiệm thời gian, chi phí cho công dân, tổ chức; công tác phối hợp trong giải quyết TTHC giữa các cơ quan với Bộ phận Một cửa huyện và xã được thực hiện chặt chẽ, khoa học, nhịp nhàng, đảm bảo theo thời gian quy định.

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

4.1. Về xác định vị trí việc làm và cơ cấu công chức, viên chức

Đã xây dựng cơ cấu vị trí việc làm, số lượng người làm việc đối với các cơ quan, đơn vị sự nghiệp đề nghị Sở Nội vụ thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt

4.2. Về cán bộ, công chức cấp xã

- Số lượng cán bộ chuyên trách cấp xã hiện nay: 139 người, trong đó: Giáo dục phổ thông: THPT: 129 người, THCS: 10 người; trình độ chuyên môn Đại học: 64 người, Cao đẳng: 07 người, Trung cấp: 58 người, chưa qua đào tạo: 10 người (*Chủ tịch Hội Cựu chiến binh*); Trình độ LLCT: Cao cấp: 11, Trung cấp: 112 người, Sơ cấp: 15 người. Số cán bộ đạt chuẩn là 100%.

- Số lượng công chức cấp xã là: 148 người, trong đó: Giáo dục phổ thông: THPT: 147 người, THCS: 01 người; trình độ chuyên môn Đại học: 88 người, Cao đẳng: 13 người, Trung cấp: 47 người; Trình độ LLCT: Trung cấp: 118 người, Sơ cấp: 29 người; 100% công chức đều có tin học, ngoại ngữ và tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ. Số công chức đạt chuẩn là 100%.

4.3. Thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức

Các cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức theo Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh “*Ban hành Quy định quản lý công tác nội vụ thuộc tỉnh Gia Lai*” và Quy định số 09-QĐ/HU ngày 22/11/2018 của Ban Thường vụ Huyện ủy “*về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử*”; theo đó, việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, thuyên chuyển, khen thưởng của huyện được thực hiện đảm bảo theo quy định pháp luật.

4.4. Về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức

UBND huyện đã ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC năm 2021 trên địa bàn huyện; đồng thời, triển khai, tổng hợp cử cán bộ, công chức tham gia bồi dưỡng các lớp theo thông báo của tỉnh.

5. Cải cách tài chính công

5.1. Tình hình triển khai các chính sách cải cách về thuế, thu nhập, tiền lương, tiền công và các chính sách an sinh xã hội

Kịp thời triển khai các qui định của nhà nước đến các đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức về chính sách thuế, thu nhập, tiền lương, tiền công và các chính sách an sinh xã hội; đề cao trách nhiệm, tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chính sách, chế độ tiền lương, tiền công....

100% các cơ quan, đơn vị xây dựng, thực hiện hiệu quả quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính của cơ quan, đơn vị mình. Thực hiện cân đối nguồn kinh phí tiết kiệm, hiệu quả. Đảm bảo nguồn kinh phí cải cách tiền lương và các chính sách an sinh xã hội. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động mọi nguồn lực cho địa phương.

5.2. Thực hiện đổi mới cơ chế quản lý đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập

a) Về thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng

biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan hành chính nhà nước. 13/13 các cơ quan thực hiện cơ chế này;

b) Về thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định 16/2015/NĐ-CP và Nghị định 141/2016/NĐ-CP

UBND huyện đã giao kinh phí năm 2020 về đơn vị dự toán cấp huyện, UBND các xã, thị trấn; hiện có 50/50 đơn vị sự nghiệp thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định 16/2015/NĐ-CP và Nghị định 141/2016/NĐ-CP. 100% đơn vị sự nghiệp đã ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý tài sản công.

6. Hiện đại hóa hành chính

6.1. Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong hoạt động cơ quan hành chính nhà nước

- Về hạ tầng kỹ thuật CNTT

+ Hạ tầng máy tính: Các cơ quan, đơn vị hành chính nhà nước cấp huyện đã được trang bị 01 máy/CB,CC. Đối với cấp xã, thị trấn 100% cán bộ, công chức đã được trang bị máy tính phục vụ nhiệm vụ công tác chuyên môn.

+ Hạ tầng mạng WAN: có 28/30 đơn vị đã kết nối mạng WAN (mạng nội bộ) để bảo đảm an toàn thông tin, đáp ứng được nhu cầu trao đổi dữ liệu trong nội bộ cơ quan.

+ Hạ tầng kết nối Internet: 100% cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn đã kết nối internet tốc độ cao.

+ Công tác đầu tư và đảm bảo an toàn, an ninh thông tin: UBND huyện đã lắp đặt hệ thống tường lửa tích hợp IPS Astaro Security Gateway 220; 100% máy tính các phòng ban chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện đã đầu tư mua sắm các phần mềm diệt vi rút như (Bkav, Kaspersky..)

- Về xây dựng và vận hành trang thông tin điện tử

+ Cổng/ trang thông tin điện tử của huyện và của xã thường xuyên được cập nhật thông tin, được tích hợp với các dịch vụ công trực tuyến mức độ 1, 2, 3 và theo dõi quá trình giải quyết thủ tục hành chính. Nhìn chung, Cổng/Trang thông tin điện tử của huyện và xã hoạt động ổn định, đáp ứng được nhu cầu tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi thông tin kinh tế, văn hóa, xã hội của huyện qua môi trường internet cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài huyện.

+ Trang thông tin điện tử cấp xã trên Cổng thông tin điện tử huyện được cập nhật thông tin theo đúng quy định và đáp ứng được nhu cầu tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi thông tin kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương.

- Sử dụng phần mềm Quản lý văn bản và điều hành (QLVBĐH) của tỉnh

Các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn sử dụng phần mềm quản lý văn bản điều hành trong việc triển khai thực hiện của các cơ quan, đơn vị luôn đảm bảo và có hiệu quả. Ngoài ra, việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành giảm việc phát hành văn bản giấy tiết kiệm thời gian và nâng cao hiệu quả công việc đảm bảo thuận tiện cho các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn trong việc nắm bắt kịp thời các thông tin liên quan đến hoạt động chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân huyện.

- Hệ thống Thư điện tử công vụ

- Hệ thống Thư điện tử công vụ
- + Số lượng phòng ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc được cấp tài khoản thư điện tử công vụ: 27 tài khoản
- + Tỷ lệ phòng ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc sử dụng thường xuyên thư điện tử công vụ: 100%
- + Tỷ lệ công chức, viên chức được cấp tài khoản thư điện tử công vụ: 364 tài khoản
- + Tỷ lệ công chức, viên chức dùng thư điện tử công vụ trong công việc chuyên môn: 100 %

6.2. Về áp dụng ISO trong hoạt động của cơ quan hành chính

Ban hành Kế hoạch kiểm tra việc xây dựng, áp dụng, duy trì QLCT TCVN 9001:2008; Kế hoạch số 100/KH-UBND ngày 11/02/2020 về “Xây dựng chuyển đổi hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 sang Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 trong các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước của huyện Kbang giai đoạn 2019-2021”.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

- Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện, cấp ủy, chính quyền các xã và các cơ quan, đơn vị đã chỉ đạo. Công tác kiểm tra, giám sát, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện CCHC đã trở thành nhiệm vụ thường xuyên của các cơ quan, đơn vị và chính quyền cấp xã.

- Qua triển khai thực hiện CCHC đã có bước chuyển biến quan trọng, nhận thức CBCCVC theo hướng nền hành chính phục vụ nhân dân, tổ chức; tạo lòng tin của nhân dân và tổ chức vào công tác CCHC của nhà nước. Mối quan hệ giữa cơ quan hành chính nhà nước với nhân dân có tiến bộ rõ rệt, người dân ngày càng quan tâm nhiều hơn, tham gia giám sát những hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước.

- Công tác cải cách bộ máy; chất lượng đội ngũ CBCCVC có bước chuyển biến tích cực; tinh thần, trách nhiệm trong thực thi công vụ từng bước được nâng lên; kỷ luật, kỷ cương hành chính cơ bản được đảm bảo... Việc áp dụng ISO 9001:2008 và ứng dụng CNTT vào hoạt động tại hầu hết các cơ quan hành chính nhà nước, đã góp phần tạo sự minh bạch, công khai và nghiêm túc của các cơ quan hành chính nhà nước....

- Công tác quản lý tài chính, ngân sách có chuyển biến rõ rệt. Việc thực hiện giám sát chi bằng quy chế chi tiêu nội bộ bước đầu có những tác động tích cực, tạo điều kiện chủ động cho các đơn vị cân đối nguồn lực tài chính sử dụng tiết kiệm, sắp xếp tổ chức bộ máy, đội ngũ công chức tinh gọn theo tinh thần CCHC.

Bên cạnh đó vẫn còn một số hạn chế như: công tác tuyên truyền của các cấp, ngành được quan tâm nhưng hiệu quả mang lại chưa cao, nhất là về thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 đạt được thấp; tỷ lệ hồ sơ thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích trong thời gian qua chưa phát sinh hồ sơ. Chất lượng đội ngũ CBCCVC ở một số khâu, bộ phận còn hạn chế, nhất là ở cấp xã.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CCHC TRONG QUÝ II NĂM 2021

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành

Tiếp tục phát huy vai trò lãnh đạo của các cấp ủy đảng, trách nhiệm của chính quyền địa phương và sự tham gia của các đoàn thể vào công tác cải cách hành chính. Lãnh đạo, chỉ đạo CCHC kịp thời, phù hợp với tình hình thực tiễn. Phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong quá trình triển khai nhiệm vụ CCHC.

Tổ chức kiểm tra công tác cải cách hành chính, việc chấp hành giờ làm việc của CBCCVC và tình hình tổ chức, hoạt động của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện và UBND cấp xã năm 2021.

2. Về cải cách thủ tục

Tiếp tục kiểm tra, rà soát văn bản QPPL, xem xét, thẩm định bãi bỏ các văn bản, quy định hết hiệu lực, trái pháp luật hiện hành; sửa đổi, bổ sung, thay thế các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, không còn phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

3. Về cải cách thủ tục hành chính

Cập nhật kịp thời và đầy đủ các thủ tục hành chính còn thiêu, mới ban hành hoặc được sửa đổi, bổ sung, bảo đảm công khai, minh bạch và chính xác của thủ tục hành chính.

4. Về cải cách tổ chức bộ máy

Tiếp tục rà soát chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị thuộc huyện nhằm có sự phân công, phối hợp hợp lý, tránh chồng chéo chức năng, thẩm quyền giữa các cơ quan hành chính.

5. Về cải cách công vụ, công chức

Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra công vụ nhằm phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời những cán bộ, công chức có hành vi tiêu cực, nhũng nhiễu, quan liêu trong giải quyết công việc của công dân, tổ chức tạo sự chuyển biến thật sự về kỷ cương, kỷ luật trong bộ máy hành chính nhà nước.

6. Về ứng dụng công nghệ thông tin, hiện đại hóa công sở

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý của các cơ quan hành chính.

Tiếp tục triển khai việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 sang Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 trong các cơ quan, đơn vị.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính quý I và phương hướng, nhiệm vụ quý II năm 2021 của UBND huyện.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND-UBND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc huyện;
- Các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, NV.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Nguyễn Văn Dũng

Phụ lục

**THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ
THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC QUÝ I NĂM 2021**

(Kèm theo Báo cáo số 84/BC-UBND ngày 10/3/2021 của UBND huyện)

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1.1.	Kế hoạch CCHC			
1.1.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	30	
1.1.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	24	
1.1.3	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	2	
1.2	Kiểm tra CCHC			
1.2.1	Tổng số phòng chuyên môn, đơn vị, địa phương	Cơ quan, đơn vị	11	
1.2.2	Số phòng chuyên môn, đơn vị, địa phương đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	
1.2.3.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	0	
1.2.4.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0	
1.3	Thực hiện nhiệm vụ UBND, Chủ tịch UBND tỉnh giao			
1.3.1	Tổng số nhiệm vụ được giao		1	
1.3.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn		0	
1.3.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn		0	
1.4	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			
1.4.1	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	237	
1.4.2	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2		
1.5	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	
2.	Cải cách thủ tục			
2.1	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản	1	
2.2	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	0	
2.3	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	0	
2.4	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản	0	
2.5	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	

3.	Cải cách thủ tục hành chính			
3.1.	Thống kê TTHC			
3.1.1	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	0	
3.1.2	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	0	
3.1.3	Tổng số TTHC đang có hiệu lực	Thủ tục	487	
Trong đó	Số TTHC cấp sở:	Thủ tục		
	Số TTHC cấp huyện:	Thủ tục	315	
	Số TTHC cấp xã:	Thủ tục	172	
3.2.	Vận hành Cổng dịch vụ công			
3.2.1	Số TTHC đã cập nhật, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	487	
3.2.2	Số TTHC mức độ 3 và 4 đã tích hợp lên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	84	
3.3	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông		487	
3.3.1	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	478	
3.3.2	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	9	
3.3.3	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%	100	
3.3.4	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%	100	
3.4.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.4.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hẹn	%	100	
3.4.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hẹn	%	100	
3.4.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hẹn	%	100	
3.4.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai được giải quyết đúng hẹn (ở cả 3 cấp).	%	100	
3.4.5	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng được giải quyết đúng hẹn (ở cả 3 cấp).	%	100	
3.5.	Vận hành Cổng dịch vụ công			
3.5.1	Số TTHC được tích hợp lên Cổng DVC	Thủ tục	487	
3.5.2	Số TTHC cung cấp mức độ 3, 4 trên Cổng DVC	Thủ tục	84	
3.5.3	Số TTHC đã tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến.	Thủ tục	84	
4	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước			
4.2.	Số liệu về biên chế công chức			
4.2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	78	

4.2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	71	
4.2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	0	
4.2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
4.2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	10	
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
4.3.1	Tổng số người làm việc được giao	Người	1076	
4.3.2	Tổng số người làm việc có mặt	Người	967	
4.3.3	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	3	
4.3.4	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	3,7	
5.	Cải cách chế độ công vụ			
5.1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
5.1.1	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	12	
5.1.2	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	45	Còn 02 đơn vị đang đề nghị tinh giảm phê duyệt
5.1.3	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
5.2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
5.2.1	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
5.2.2	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	1	
5.2.3	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	0	
5.2.4	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	89	
5.2.5	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	2	Sinh viên tốt nghiệp hệ cử tuyển
5.3.	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo			
5.3.1	Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển	Đã thực hiện = 1 Chưa thực hiện = 0	0	

5.3.2	Số lãnh đạo cấp sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người		
5.3.3	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người		
5.3.4	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện được bổ nhiệm mới	Người	1	
5.4	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (<i>cả về Đảng và chính quyền</i>).		0	
5.4.1	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người		
5.4.2	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
5.4.3	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
5.4.4	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0	
6.	Cải cách tài chính công			
6.1	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (<i>lũy kế đến thời điểm báo cáo</i>)	Cơ quan, đơn vị	0	
6.2	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (<i>lũy kế đến thời điểm báo cáo</i>)	Cơ quan, đơn vị	0	
6.3	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (<i>lũy kế đến thời điểm báo cáo</i>)	Cơ quan, đơn vị	0	
6.4.	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (<i>lũy kế đến thời điểm báo cáo</i>)	Cơ quan, đơn vị	47	
6.5.	Số lượng đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (<i>lũy kế đến thời điểm báo cáo</i>)	Cơ quan, đơn vị	0	
7.	Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số			
7.1	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1 2	
7.2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến	Chưa có = 0		
	<i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện.</i>	2 cấp = 1	2	
7.3.	<i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	3 cấp = 2		
	Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	1	
	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã được cấp chứng thư số.		1	



7.5	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0	1	
		Đang làm = 1		
		Hoàn thành = 2		
7.6.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
7.6.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã		100%	
Trong đó	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100%	
	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100%	
	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	%	100%	
7.6.2.	Tổng số VĂN BẢN ĐI giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	Văn bản		
Trong đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (<i>Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử</i>).	%	100%	
	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%	100%	
7.7.	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
7.7.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100%	
7.7.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100%	
7.7.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100%	
7.8.	Dịch vụ công trực tuyến			
7.8.1.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC	5	
7.8.2.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	79	
7.8.3.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3	%	0	
7.8.4.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4	%	21.88	



